

TÀI LIỆU ÔN THI HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÍ LỚP 6

Chủ đề 1. VỊ TRÍ, HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

I. Câu hỏi tự luận

Câu 1. *Hệ Mặt Trời gồm có bao nhiêu hành tinh? Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ mấy?*

Đáp án

- Hệ Mặt Trời gồm có 8 hành tinh là sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, Thiên Vương và Hải Vương.
- Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ ba.

Câu 2. *Hãy cho biết vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Vị trí này có ý nghĩa như thế nào?*

Đáp án

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 trong số 8 hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Ý nghĩa: Vị trí thứ 3 của Trái Đất là 1 trong những điều kiện rất quan trọng để góp phần nên Trái Đất là hành tinh duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

Câu 3. *Trái Đất có hình dạng và kích thước như thế nào?*

Đáp án

Trái Đất có dạng hình cầu và kích thước rất lớn (bán kính 6.370 km, đường Xích đạo dài 40.076 km).

Câu 4. *Em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến? Nêu ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến.*

Đáp án

- Kinh tuyến là đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.
- Vĩ tuyến là vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến.

- Ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến: Nhờ có hệ thống kinh, vĩ tuyến có thể xác định được vị trí của mọi địa điểm trên quả địa cầu.

Câu 5. Thế nào vĩ tuyến gốc? vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam? Thế nào là kinh tuyến gốc? kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây?

Đáp án

- Vĩ tuyến gốc (0^0) là vĩ tuyến lớn nhất trên quả Địa Cầu, chia quả Địa Cầu thành 2 nửa bằng nhau: nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Vĩ tuyến gốc còn gọi là Xích đạo.

- Vĩ tuyến Bắc là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Bắc.

- Vĩ tuyến Nam là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Nam.

- Kinh tuyến gốc (0^0) là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh), đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến 180^0 .

- Kinh tuyến Đông là những kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc.

- Kinh tuyến Tây là những kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 6. Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. Vị trí thứ 3 B. Vị trí thứ 5 C. Vị trí thứ 9 D. Vị trí thứ 7

Đáp án: A

Câu 7. Trong hệ Mặt Trời, Mộc tinh ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. Vị trí thứ 3 B. Vị trí thứ 5 C. Vị trí thứ 9 D. Vị trí thứ 7

Đáp án: B

Câu 8. Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào nằm gần Mặt Trời nhất?

- A. Kim tinh B. Thủy tinh C. Thổ tinh D. Hải Vương tinh

Đáp án: B

Câu 9. Mặt Trăng là vệ tinh của hành tinh nào?

- A. Trái Đất B. Thủy tinh C. Mộc tinh D. Hải Vương tinh

Đáp án: A

Câu 10. Nước ta nằm ở đâu trên quả Địa Cầu?

- A. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Đông B. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Tây
C. Nửa cầu Nam và nửa cầu Tây D. Nửa cầu Nam và nửa cầu Đông

Đáp án: A

Câu 11. Nếu cách 10° ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu từ cực Nam đến cực Bắc có bao nhiêu vĩ tuyến?

- A. 181 B. 182 C. 180 D. 179

Đáp án: A

Câu 12. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là:

- A. Kinh tuyến 90° B. Kinh tuyến 180° C. Kinh tuyến 360° D. Kinh tuyến 160°

Đáp án: B

Câu 13. Trên quả Địa Cầu, vĩ tuyến dài nhất là:

- A. Vĩ tuyến 60° B. Vĩ tuyến 30° C. Vĩ tuyến 0° D. Vĩ tuyến 90°

Đáp án: C

Câu 14. Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có:

- A. Kim Tinh, Trái Đất, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh
B. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất
C. Thuỷ Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh
D. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh

Đáp án: C

Câu 15. Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là:

- A. 149,6 nghìn km B. 149,6 triệu km
C. 149,6 tỉ km D. 140 triệu km

Đáp án: B

Chủ đề 2: BẢN ĐỒ

I. Câu hỏi tự luận

Câu 16. Bản đồ là gì?

Đáp án

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ trên giấy tương đối chính xác về 1 khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất trên 1 mặt phẳng.

Câu 17. Hãy cho biết tỉ lệ bản đồ là gì? Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ?

Đáp án

- Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng trên thực tế.
- Ý nghĩa: Tỉ lệ bản đồ cho biết bản đồ được thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực địa.

Câu 18.

a. Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở mấy dạng? Tỉ lệ bản đồ cho chúng ta biết điều gì?

b. Cho biết cơ sở xác định bản đồ có tỉ lệ lớn, tỉ lệ trung bình và tỉ lệ nhỏ.

Đáp án

a.

- Tỉ lệ số: là một phân số luôn có tử số là 1. Mẫu số là số cho biết bản đồ được thu nhỏ lại bao nhiêu lần. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại. Tỉ lệ số cho biết ứng với một đơn vị trên bản đồ là bao nhiêu đơn vị trên thực địa.
- Tỉ lệ thước: tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực địa.

b. Cơ sở xác định:

- + Những bản đồ có tỉ lệ trên 1:200.000 là bản đồ có tỉ lệ lớn.
- + Những bản đồ có tỉ lệ từ 1:200.000 đến 1:1000.000 là bản đồ có tỉ lệ trung bình.
- + Những bản đồ có tỉ lệ nhỏ hơn 1:1000.000 là bản đồ có tỉ lệ nhỏ.

Câu 19. Dựa vào số ghi tỉ lệ của các tờ bản đồ sau đây: 1:100.000 và 1:6.000.000.

a. Cho biết bản đồ nào có tỉ lệ lớn, bản đồ nào có tỉ lệ nhỏ?

b. Cho biết 5cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

Đáp án

a.

- Bản đồ có tỉ lệ 1:100.000 là bản đồ có tỉ lệ lớn.

- Bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 là bản đồ có tỉ lệ nhỏ.

b.

- Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:100.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với $5 \times 100.000 = 500.000\text{cm} = 5\text{km}$ trên thực địa. (Đổi từ cm sang km ta chia cho 100.000)

- Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với $5 \times 6.000.000 = 30.000.000\text{cm} = 300\text{km}$ trên thực địa.

Câu 20. Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:2.000.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 3 cm và Hà Nội - Phú Thọ là 6 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa các địa điểm trên là bao nhiêu km?

Đáp án

- Khoảng cách thực địa giữa Hà Nội – Hải Dương là $3 \times 2.000.000 = 6.000.000 \text{ cm} = 60 \text{ km}$.

- Khoảng cách thực địa giữa Hà Nội – Phú Thọ là $6 \times 2.000.000 = 12.000.000 \text{ cm} = 120 \text{ km}$.

Câu 21. Nêu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ 1:6.000.000. Khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách này là 10,5cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?

Đáp án

- Tỉ lệ bản đồ: 1:6.000.000 có ý nghĩa là kích thước trên bản đồ đã được thu nhỏ 6.000.000 lần so với kích thước thực của chúng trên thực địa.

- Đổi: $105\text{km} = 10.500.000\text{cm}$ (Đổi từ km sang cm ta nhân cho 100.000), bản đồ đã thu nhỏ số lần là: $10.500.000:10,5 = 1.000.000$ (lần). Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:1.000.000.

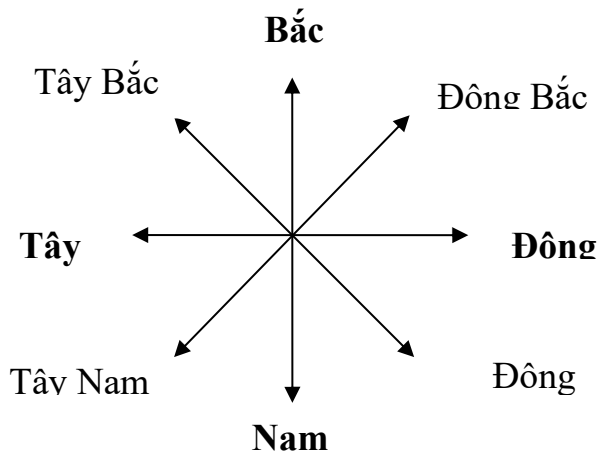
Câu 22. Khoảng cách từ TP HCM đến Trường Sa là 670km. Trên một bản đồ Việt Nam đo được khoảng cách giữa hai địa điểm này là 13,4cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?

Đáp án

Đổi: $670\text{km} = 67.000.000\text{cm}$, bản đồ đã thu nhỏ số lần là: $67.000.000 : 13,4 = 5.000.000$ (lần). Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:5.000.000.

Câu 23. Hãy vẽ sơ đồ các hướng chính được quy định trên bản đồ.

Đáp án



Câu 24. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ ta phải dựa vào đâu?

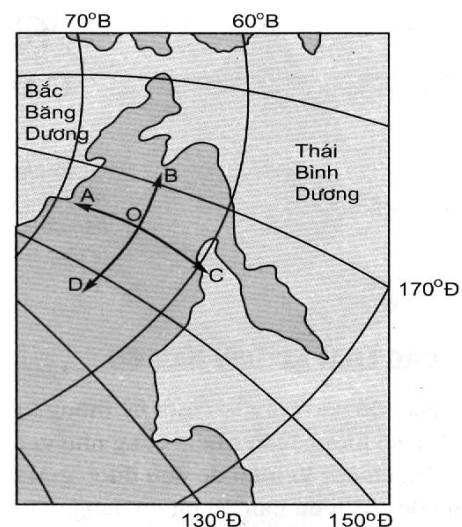
Đáp án

- Dựa vào các đường kinh tuyến và vĩ tuyến trên bản đồ.
- Dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ

Câu 25. Quan sát hình vẽ (khu vực Đông Bắc Á), cho biết các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D.

Đáp án

- Đầu tiên xác định các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trong hình. Đường song song với kinh tuyến là đường chỉ hướng bắc - nam; đường song song với vĩ tuyến là đường chỉ hướng đông - tây. Ta thấy AOC là đường song song



với kinh tuyến, DOB là đường song song với vĩ tuyến.

- Các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D:

+ O đến A : theo hướng bắc.

+ O đến C : theo hướng nam.

+ O đến B : theo hướng đông .

+ O đến D : theo hướng tây.

Câu 26. Thế nào là kinh độ, vĩ độ, toạ độ địa lí của một điểm. Toạ độ địa lí của một

điểm là $\begin{cases} 20^0 T \\ 10^0 B \end{cases}$ cho biết điều gì?

Đáp án

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.

- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (đường Xích đạo).

- Kinh độ và vĩ độ của một điểm được gọi chung là toạ độ địa lí của điểm đó.

- Điểm có toạ độ địa lí là $\begin{cases} 20^0 T \\ 10^0 B \end{cases}$ (nằm trên kinh tuyến $20^0 T$ và vĩ tuyến $10^0 B$) nghĩa là điểm đó nằm cách kinh tuyến gốc 20^0 về phía tây và nằm cách Xích đạo 10^0 về phía bắc.

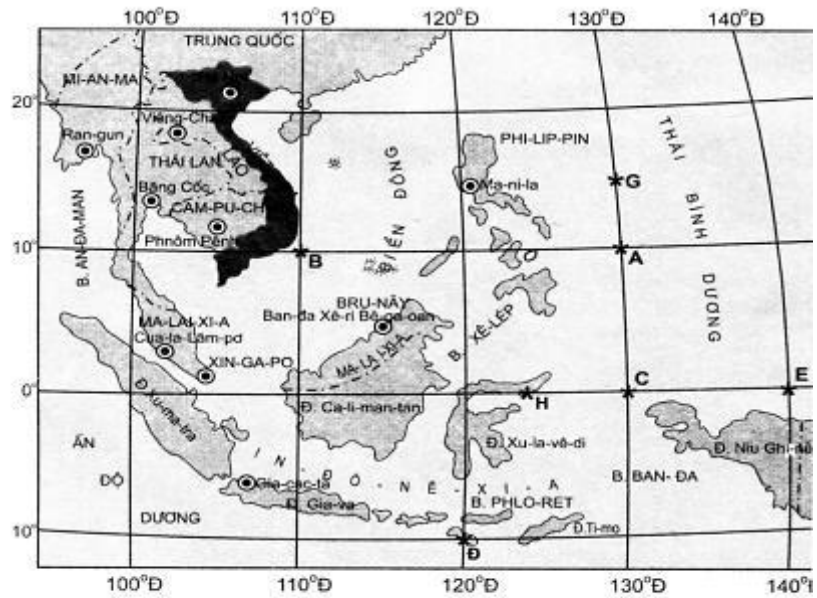
Câu 27. Kí hiệu bản đồ là gì? Nêu ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.

Đáp án

- Kí hiệu bản đồ là những dấu hiệu quy ước, dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.

- Kí hiệu bản đồ dùng để biểu hiện vị trí, đặc điểm... của các đối tượng địa lí được đưa lên bản đồ.

Câu 28. Dựa vào bản đồ Hình 12 dưới đây, em hãy:



Hình 12. Bản đồ thủ đô các nước ở khu vực Đông Nam Á

a. Cho biết các hướng bay từ Băng Cốc đến Ran-gun, Cua-la Lăm-pơ đến Băng Cốc và Cua-la Lăm-pơ đến Ma-ni-la, Ma-ni-la đến Gia-cac-ta.

b. Ghi tọa độ địa lí của các điểm A, D, E, B.

Đáp án

a.

- Hướng bay từ Băng Cốc đến Ran-gun: tây bắc
- Hướng bay từ Cua-la Lăm-pơ đến Băng Cốc: bắc
- Hướng bay từ Cua-la Lăm-pơ đến Ma-ni-la: đông bắc
- Hướng bay từ Ma-ni-la đến Gia-cac-ta: tây nam

b. Tọa độ địa lí của các điểm:

$$\begin{array}{ccc}
 \text{A} \left\{ \begin{array}{l} 130^{\circ}\text{Đ} \\ 10^{\circ}\text{B} \end{array} \right. & \text{Đ} \left\{ \begin{array}{l} 120^{\circ}\text{Đ} \\ 10^{\circ}\text{N} \end{array} \right. & \text{E} \left\{ \begin{array}{l} 140^{\circ}\text{Đ} \\ 0^{\circ} \end{array} \right. \\
 \\
 \text{B} \left\{ \begin{array}{l} 110^{\circ}\text{Đ} \end{array} \right. & &
 \end{array}$$

10⁰B

Câu 29. Kể tên các loại kí hiệu bản đồ thường dùng và nêu ví dụ.

Đáp án

Có 3 loại kí hiệu bản đồ thường dùng là:

- Kí hiệu điểm. Ví dụ: thể hiện các nhà máy, sân bay, cảng biển...
- Kí hiệu đường. Ví dụ: thể hiện đường giao thông, ranh giới quốc gia...
- Kí hiệu diện tích. Ví dụ: thể hiện vùng trồng lúa, vùng trồng cây công nghiệp...

Câu 30. Để thể hiện độ cao địa hình trên bản đồ, người ta thường sử dụng các phương pháp nào?

Đáp án

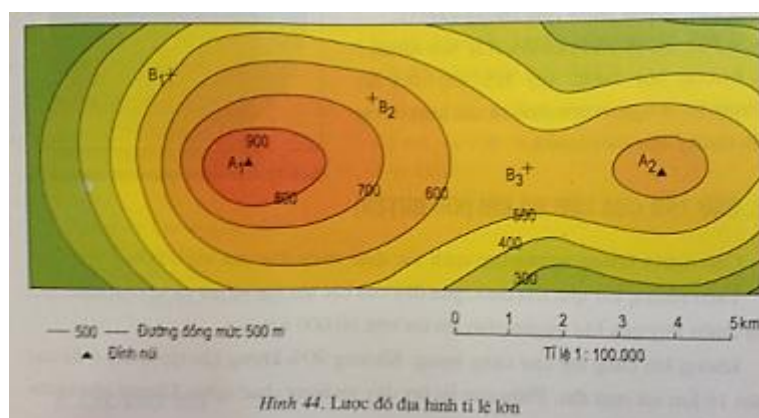
- Độ cao của địa hình trên bản đồ được biểu hiện bằng các thang màu hoặc bằng đường đồng mức.
- Thang màu là những màu sắc có độ đậm nhạt khác nhau. Màu càng đậm thì thể hiện địa hình càng cao hoặc càng sâu.
- Đường đồng mức là những đường nối những điểm có cùng độ cao hoặc độ sâu. Đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng dốc.

Câu 31. Vì sao khi sử dụng bản đồ, trước hết chúng ta cần tìm đọc bảng chú giải?

Đáp án

Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ. Vì hệ thống các kí hiệu của bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ, trước hết chúng ta cần đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ.

Căn cứ vào Hình 44 dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi từ 32 đến 35:



Câu 32. Thế nào là đường đồng mức? Tại sao dựa vào các đường đồng mức ta có thể biết được hình dạng của địa hình?

Đáp án

- Đường đồng mức: là đường nối những điểm có cùng độ cao so với mực biển.
- Hình dạng địa hình được biết là do các điểm có độ cao sẽ nằm cùng trên 1 đường đồng mức, biết độ cao tuyệt đối của các điểm và đặc điểm hình dạng địa hình, độ dốc, hướng nghiêng.

Câu 33. Xác định hướng từ đỉnh núi A1 đến A2. Sự chênh lệch độ cao của các đường đồng mức là bao nhiêu? Xác định độ cao của A1, A2, B1, B2, B3.

Đáp án

- Hướng từ đỉnh núi A1 đến A2 là từ tây sang đông.
- Sự chênh lệch độ cao của các đường đồng mức là 100 m.
- Độ cao của:
 - + A1 = 900 m
 - + A2 là trên 600 m
 - + B1 = 500 m
 - + B2 = 650 m
 - + B3 = trên 500 m và dưới 600 m

Câu 34. Dựa vào tỉ lệ lược đồ hãy tính khoảng cách theo đường chim bay từ đỉnh A1 đến A2.

Đáp án

Khoảng cách theo đường chim bay từ đỉnh A1 đến A2 là $7,5 \times 100.000 = 750.000 \text{ cm} = 7,5 \text{ km}$.

Câu 35. Quan sát sườn Đông và Tây của núi A1 xem sườn bên nào dốc hơn? Vì sao.

Đáp án

Sườn tây dốc hơn sườn Đông vì các đường đồng mức phía tây sát nhau hơn phía Đông.